

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Sân vận động tỉnh An Giang

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 50/2021/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ liên quan trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Xét Công văn số 2825/STNMT-MT ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Sân vận động tỉnh An Giang, Công văn số 3929/STNMT-MT ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hoàn thiện hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Sân vận động tỉnh An Giang và Công văn số 2512/BQLDA-ĐHDA ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Khu vực Phát triển Đô thị tỉnh An Giang về việc thuyết minh hoàn chỉnh, bổ sung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Sân vận động tỉnh An Giang”;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Sân vận động tỉnh An Giang (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Khu vực phát triển đô thị tỉnh An Giang (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang

với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ TN&MT;
- UBND tỉnh;
- Các Sở: XD, VH TTDL, KH CN;
- UBND TP Long Xuyên;
- Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở;
- Trung tâm PVHCC tỉnh An Giang;
- Trung tâm CNTT NMT (công khai thông tin);
- Phòng TNMT TP Long Xuyên;
- UBND phường Mỹ Hòa;
- CCBVMT, Thanh tra Sở;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Việt Trí

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN SÂN VẬN ĐỘNG TỈNH AN GIANG
(Kèm theo Quyết định số 53/QĐ-STNMT ngày 18 tháng 01 năm 2023
của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Sân vận động tỉnh An Giang.
- Địa điểm thực hiện: Phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Khu vực phát triển đô thị tỉnh An Giang.
- Địa chỉ liên hệ: Số 8 đường số 20, khóm Tây Khánh 1, phường Mỹ Hòa, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi thực hiện dự án được xác định theo tọa độ các điểm giới hạn của dự án như sau:

Vị trí	Tọa độ VN2000	
	X (m)	Y (m)
1	1145300.58	573410.32
2	1145307.08	573416.82
3	1145482.56	573416.29
4	1145486.75	573415.29
5	1145492.28	573410.62
6	1145494.59	573405.65
7	1145494.59	573319.64
8	1145493.05	573315.44
9	1145449.34	573263.68
10	1145345.61	573263.68
11	1145303.07	573299.62
12	1145300.58	573304.97

- Quy mô diện tích, công suất: Quy mô tổng diện tích sử dụng đất của khu sân vận động là 9,403 ha thuộc khu quy hoạch Khu liên hợp Thể dục Thể thao

tỉnh An Giang, phường Mỹ Hoà, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Diện tích thực hiện dự án xây dựng Sân bóng đá diện tích 27.571,9 m², trong đó bố trí các hạng mục công trình gồm: Đất xây dựng khán đài + phụ trợ diện tích 8.606,94 m²; sân thi đấu diện tích 7.140 m²; đất cây xanh diện tích 4.527,77 m²; đất giao thông, sân bãi diện tích 7.297,19 m².

- Công suất: Sức chứa khán đài là 20.000 chỗ ngồi (trong đó khán đài A, B có xây dựng mái che).

1.3. Công nghệ vận hành

Quy trình vận hành của dự án: Sân vận động tỉnh An Giang → Hoạt động luyện tập, hoạt động thi đấu, tổ chức sự kiện.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình.

- Hạng mục công trình chính:

+ Sân bóng đá diện tích 7.140 m².

+ Khán đài diện tích sàn xây dựng khoảng 18.527,62 m².

- Hạng mục công trình phụ trợ:

+ Sân nền diện tích 27.571,9 m².

+ Sân, đường bao gồm: Đường quanh sân cỏ diện tích 3.540,8 m²; lối ra vào khẩn cấp giữa các khán đài diện tích 418 m²; đường nội bộ loại 1 diện tích 1.274 m²; đường nội bộ loại 2 diện tích 2.064 m²; vỉa hè diện tích 620 m².

+ Hàng rào và cổng chính chiều dài 657 m.

+ Phòng để máy biến áp và máy phát điện (bố trí trong khán đài C) diện tích 92 m².

+ Bể nước sinh hoạt và phòng cháy chữa cháy (bố trí trong khán đài C) diện tích 230 m².

+ Cây xanh diện tích 4.527,77 m².

+ Hệ thống cấp nước; hệ thống cấp điện; hệ thống PCCC; hệ thống chiếu sáng.

- Hạng mục công trình xử lý chất thải: Đất xây dựng hệ thống xử lý nước thải diện tích 71 m².

1.4.2. Các hoạt động của dự án

- Các hoạt động của dự án trong giai đoạn xây dựng: Thu hồi đất, bồi hoàn giải phóng mặt bằng; phát quang khu vực thực hiện dự án; san lấp mặt bằng; tập kết nguyên vật liệu; thi công các hạng mục công trình.

- Các hoạt động của dự án trong giai đoạn vận hành: Phục vụ hoạt động thể dục, thể thao quần chúng, thể thao thành tích cao, cung cấp dịch vụ thể thao chất lượng cao; bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý, huấn luyện viên; tổ chức, phối hợp tổ chức sự kiện với các địa phương lân cận trong vùng; hỗ trợ tổ

chức các hoạt động đào tạo, huấn luyện và thi đấu thể thao của các địa phương lân cận trong vùng; tổ chức các giải thi đấu thể thao thành tích cao của vùng, hỗ trợ tổ chức hoạt động thi đấu thể thao ở cấp quốc gia, quốc tế.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa 02 vụ với diện tích 76.551,9 m².

- Khoảng cách từ dự án đến hộ dân gần nhất khoảng 10 m.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn xây dựng dự án phát sinh: Nước thải san lấp; nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; bụi, khí thải; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn phát quang; chất thải rắn từ việc phá dỡ công trình hiện hữu; chất thải nguy hại.

- Giai đoạn vận hành dự án phát sinh: Nước mưa chảy tràn; nước thải sinh hoạt; bụi, khí thải; chất thải rắn sinh hoạt; bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải; chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

* Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước mưa chảy tràn: Lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án khoảng 76,54 m³/ngày; thành phần chủ yếu: các chất ô nhiễm như đất, rác thải sinh hoạt cuốn theo nước mưa.

- Nước thải san lấp: Lượng phát sinh khoảng 241,38 m³/ngày; thành phần chủ yếu: cặn lơ lửng, bụi, đất cát,...

- Nước thải xây dựng: Lượng phát sinh khoảng 2,2 m³/ngày; thành phần chủ yếu: TSS, dầu nhớt, bụi, cát,...

- Nước thải sinh hoạt: Lượng phát sinh khoảng 2,16 m³/ngày; thành phần chủ yếu: chất hữu cơ, dầu mỡ, thành phần dinh dưỡng (N, P) và vi sinh,...

* Giai đoạn vận hành:

- Nước mưa chảy tràn: Lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án khoảng 287,02 m³/ngày; thành phần chủ yếu: chất rắn (bụi vô cơ) cuốn theo nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt: Lượng phát sinh khoảng 95 m³/ngày; thành phần chủ yếu: chất cặn bã, chất hữu cơ, thành phần dinh dưỡng (N, P) và vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

* Giai đoạn thi công xây dựng:

Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình phát quang, chuẩn bị mặt bằng; san lấp mặt bằng; vận chuyển nguyên, vật liệu, máy móc, thiết bị; bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu xây dựng; phương tiện thi công cơ giới; hoạt động hàn cơ khí; thành phần chủ yếu: bụi, SO₂, NO_x, CO, VOC,...

* Giai đoạn vận hành:

Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông; mùi hôi từ hố ga, khu vực tập kết rác thải và hệ thống xử lý nước thải; thành phần chủ yếu: bụi, CO, SO₂, CH₄, Mercaptane,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

* Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải phát quang: Khối lượng phát sinh khoảng 675 kg/ngày; thành phần chủ yếu: sinh khối thực vật như lá cây, cành cây, thân gỗ, cỏ,...

- Chất thải rắn từ việc phá dỡ công trình hiện hữu: Trong trường hợp người dân không tự phá dỡ, di dời sẽ phát sinh lượng chất thải với khối lượng khoảng 2 tấn.

- Chất thải rắn xây dựng: Khối lượng phát sinh khoảng 0,55 kg/ngày; thành phần chủ yếu: sắt vụn, bao bì, cừ tràm,...

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát sinh khoảng 19,5 kg/ngày; thành phần chủ yếu: bao bì, chai nhựa, thức ăn thừa, giấy,...

* Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát sinh khoảng 1.755 kg/ngày; thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, bao bì, chai nhựa,...

- Lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải: Khối lượng phát sinh khoảng 18,39 kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại.

- Giai đoạn thi công xây dựng: Khối lượng phát sinh khoảng 5 kg/tháng; thành phần chủ yếu: giẻ lau dính nhớt, thùng đựng dầu nhớt, bóng đèn hỏng,...

- Giai đoạn vận hành: Khối lượng phát sinh khoảng 13,5 kg/tháng từ các hoạt động sửa chữa máy móc, thiết bị, rác thải từ phòng y tế và phòng cấp cứu; thành phần chủ yếu: giẻ lau dính các thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang, chất thải y tế lây nhiễm,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh chủ yếu do hoạt động của các máy móc thi công, san ủi, phá dỡ công trình hiện hữu trong khu vực dự án.

- Giai đoạn vận hành: Phát sinh từ các phương tiện giao thông, hoạt động thi đấu, tập luyện thể thao, tiếng nói chuyện, la hét của khán giả, tiếng loa phát thanh, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.4. Các tác động khác

* Giai đoạn thi công xây dựng:

- Tác động từ việc chiếm dụng đất, thay đổi cơ cấu sử dụng đất; hệ sinh thái cảnh quan.

- Các sự cố rủi ro: Sự cố ngập úng, sạt lở đất trong quá trình san lấp; tai nạn giao thông; tai nạn lao động; cháy nổ; rò rỉ nhiên liệu.

* Giai đoạn vận hành:

Các sự cố rủi ro: Tai nạn giao thông; cháy nổ; sự cố vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

* Giai đoạn thi công xây dựng:

- Nước mưa chảy tràn: Tạo rãnh thoát nước mưa kích thước 1.000x0,5x0,5 m để thu gom tạm thời, xây dựng hồ lắng kích thước 2,5x2,5x1 m để lắng cặn, nước sau khi lắng thoát ra mương Hội Đồng Thu.

- Nước thải san lấp: Được thu gom về ao lắng với thể tích 300 m³ (kích thước D_xR_xH: 200x10x1,5 m), thời gian lưu nước 4 giờ. Nước thải san lấp sau khi lắng đảm bảo đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là mương Hội Đồng Thu.

- Nước thải xây dựng: Bố trí hồ lắng được lót vải bạt chống thấm thể tích 2,25 m³ (D_xR_xH: 1,5x1,5x1 m) để lắng cặn trong nước thải xây dựng (vôi vữa, xi măng, cát, đá,...). Lượng nước thải sau khi lắng 2 giờ đảm bảo đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp được thu gom vào các thùng chứa sử dụng để tưới ẩm công trình hoặc rửa vật liệu xây dựng. Phần lớp váng dầu nhớt nổi trên bề mặt nước trong hồ lắng được thu gom bằng tấm hút dầu nhớt và xử lý tấm hút sau sử dụng như chất thải nguy hại.

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 02 nhà vệ sinh di động bằng composite (kích thước D_xR_xH: 2,5x2x1 m), có bể tự hoại 03 ngăn dung tích 5 m³ để thu gom nước thải. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút bùn cặn từ nhà vệ sinh di động định kỳ 02 tuần/lần hoặc khi đầy, đảm bảo không thải trực tiếp nước thải ra môi trường.

* Giai đoạn vận hành:

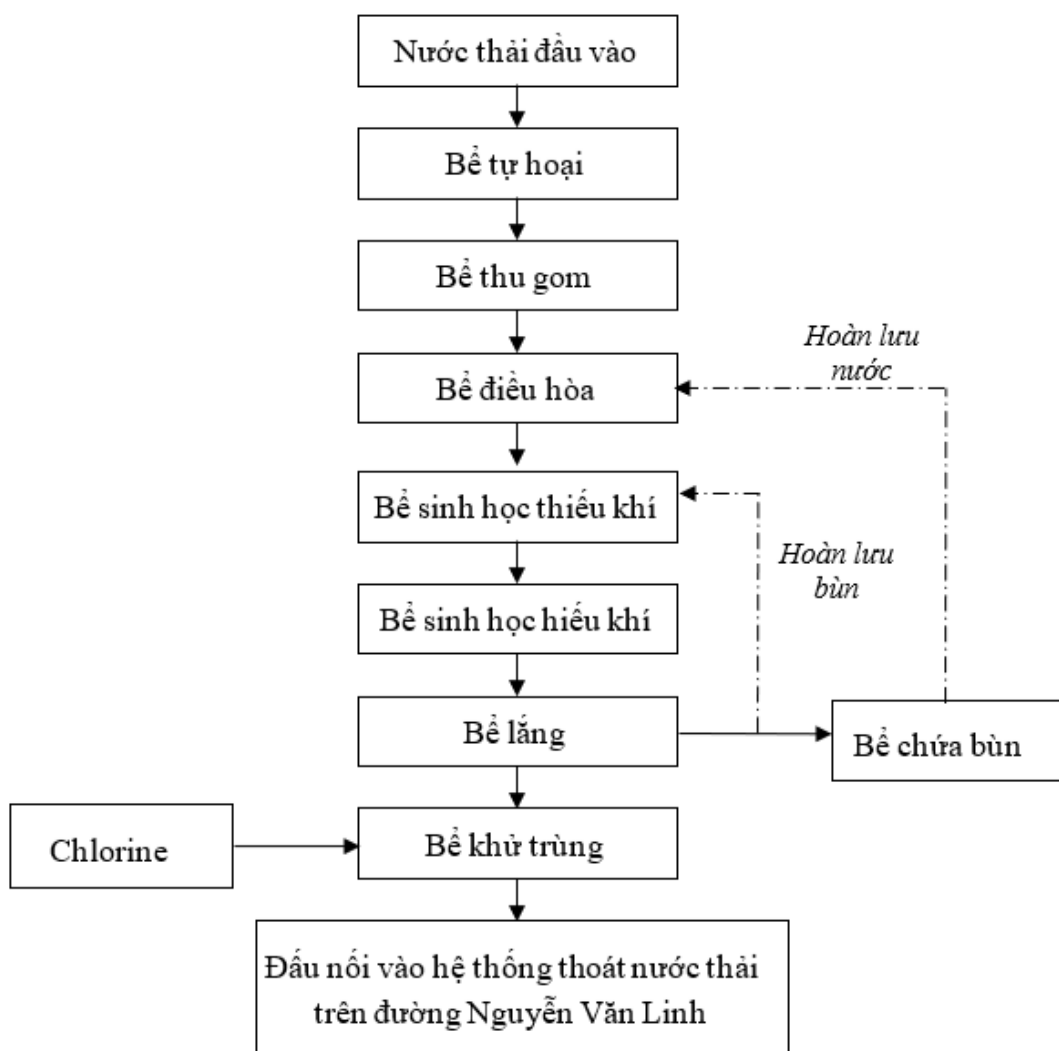
- Nước mưa chảy tràn: Sử dụng cống tròn BTCT ly tâm đúc sẵn loại Ø400, Ø600. Cống thoát nước mưa dưới lề cỏ sử dụng cống BTCT ly tâm tải trọng H10, cống thoát nước mưa dưới đường sử dụng cống ly tâm chịu được tải trọng xe H30. Nước mưa được thu về các tuyến mương W400 chạy dọc bên ngoài sân cỏ với tổng chiều dài 408,5 m và các tuyến mương W300 dọc mặt sân cao su và khán đài với tổng chiều dài 383,9 m. Sau đó, nước mưa được dẫn về tuyến cống Ø600 bằng hình thức tự chảy và đấu nối với hệ thống thoát nước mưa trên đường

Nguyễn Văn Linh bằng đường ống Ø600 qua 04 điểm đầu nổi. Hệ thống thoát nước mưa đảm bảo thoát nước trên mặt sân cỏ khi có các trận mưa lớn xảy ra.

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý cục bộ qua bể tự hoại 03 ngăn được thoát vào hệ thống thoát nước thải hạ tầng bên ngoài nhà và tự chảy về bể thu gom rồi vào trạm xử lý nước thải tập trung công suất 100 m³/ngày bằng đường ống D300. Nước thải sau khi xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt được đầu nổi với hệ thống thoát nước thải chung trên đường Nguyễn Văn Linh bằng đường ống D300 bằng hình thức tự chảy qua 01 điểm đầu nổi.

Thời điểm đầu nổi là Quý I năm 2024. Trường hợp dự án Sân vận động tỉnh An Giang hoàn thành trước dự án đường Nguyễn Văn Linh thì thực hiện phương án dự phòng là tạm thoát nước vào mương Hội Đồng Thu cho đến khi dự án đường Nguyễn Văn Linh hoàn thành để đầu nổi thoát nước.

Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải:



- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh tại dự án được thu gom, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.1.2. Công trình và biện pháp giảm bụi, khí thải

* Giai đoạn thi công xây dựng:

- Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ phát quang, dọn dẹp chuẩn bị mặt bằng: Phun nước làm ẩm bề mặt khu vực công trường; phát quang thảm thực vật theo phương án cuốn chiếu làm đến đâu thu gom rác đến đó; bố trí nhân lực, máy móc thi công hợp lý.

- Biện pháp giảm thiểu bụi từ hoạt động san lấp mặt bằng: Tưới ẩm bề mặt cần đào trước khi thi công và tại bãi chứa trước khi bốc xúc san nền; tiến hành san ủi vật liệu, đầm nén ngay sau khi được tập kết xuống mặt bằng; thực hiện đắp đến đâu san ủi đến đó; tận thu đất đào làm đất đắp trồng cây và đắp đường nội bộ tại dự án; trường hợp vào mùa khô, bụi phát sinh thực hiện tưới nước khu vực đường nội bộ với tần suất khoảng 04 lần/ngày.

- Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu, máy móc, thiết bị: Không chuyên chở hàng hóa vượt tải trọng quy định; vật liệu chuyên chở trên xe được che chắn, phủ bạt; làm sạch đường gần các cửa ra vào khu vực thi công; định kỳ tưới ẩm các tuyến đường ra vào công trình với tần suất khoảng 02 - 03 lần/ngày; bố trí thời gian vận chuyển, lưu thông các loại xe hợp lý, tránh hoạt động vào các giờ cao điểm (buổi sáng từ 7 - 9 giờ, buổi chiều từ 16 - 18 giờ).

- Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ quá trình bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu xây dựng: Khu vực tập kết vật liệu cần bố trí tại nơi khuất gió và phải dùng vải bạt che chắn, bao bọc; không đồng thời trút đổ các loại nguyên vật liệu cùng lúc quá nhiều.

- Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ các phương tiện thi công cơ giới: Sử dụng các phương tiện máy móc, thiết bị thi công hiện đại, đảm bảo tiêu chuẩn về khí thải phát sinh; thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị; sử dụng phương tiện cơ giới để phối trộn vật liệu xây dựng; vách ngăn che chắn khu vực thi công bằng tole sóng vuông có chiều cao ít nhất 2 m; quét dọn khu vực thi công vào cuối mỗi ngày.

- Biện pháp giảm thiểu mùi và khí thải từ hoạt động hàn cơ khí: Bố trí khu vực hàn ở nơi cao ráo, dưới hướng gió; không làm việc ngoài trời vào ngày mưa to, tránh khu vực nhà dân; trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

* Giai đoạn vận hành:

- Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ phương tiện giao thông ra vào dự án: Bố trí biển chỉ dẫn; quy định tốc độ ra vào khu vực dự án; bê tông hóa sân, đường nội bộ, phun nước vào những ngày nắng nóng để hạn chế bụi; trồng và chăm sóc cây xanh thường xuyên; vệ sinh các tuyến đường nội bộ định kỳ 01 lần/ngày.

- Mùi hôi từ hố ga, khu vực tập kết rác thải và hệ thống xử lý nước thải: Vệ sinh song chắn rác ở bể gom 02 lần/tuần; định kỳ 01 tuần/lần kiểm tra hệ thống

thu gom nước thải; định kỳ 02 lần/ngày phun xịt khử mùi trên bề mặt các bể xử lý; các thùng chứa chất thải rắn chờ thu gom phải có nắp đậy kín và định kỳ 01 tuần/lần được vệ sinh sạch sẽ; khai thông cống rãnh, nạo vét thường xuyên tại các đường cống, hố ga,...

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi dự án trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành; đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường, QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

* Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn từ quá trình phát quang: Bố trí công nhân thu gom ngay sau khi phát quang và phân loại riêng; cây bụi sẽ cho các hộ dân xung quanh có nhu cầu, trường hợp không có người thu gom thì hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định; các loại cây gỗ sẽ được bán hoặc phục vụ trong công tác xây dựng các hạng mục công trình của dự án; còn lại các cây cối có giá trị được di dời đến nơi thích hợp để trồng lại.

- Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn từ việc phá dỡ công trình hiện hữu:

+ Bố trí khu vực tập kết tạm thời diện tích 10 m² ở khu vực tiếp giáp với tuyến lộ Hàng Me.

+ Các loại cốp pha bằng gỗ được thu gom về khu vực tập kết và bán để làm nhiên liệu đốt; các loại chất thải có thể tận dụng được (sắt, thép vụn, bao giấy, thùng nhựa,...) được thu gom, phân loại và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu; các loại chất thải không thể tận dụng được sử dụng san lấp mặt bằng dự án hoặc thu gom vào 02 thùng chứa loại 120 lít, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 05 thùng rác loại 120 lít tại khu vực thi công; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý 01 lần/ngày theo quy định.

* Giai đoạn vận hành:

- Bố trí 20 thùng rác loại 120 lít tại khu vực các khán đài và thùng rác loại 60 lít tại khu vực các nhà vệ sinh; cuối ngày rác thải được tập trung về khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt ở gần đường Nguyễn Văn Linh. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý 01 lần/ngày theo quy định. Trường hợp dự án Sân vận động tỉnh An Giang hoàn thành trước dự án đường Nguyễn Văn Linh thì sẽ tập kết rác tại dự án và cuối ngày vận chuyển ra đường lộ cặp rạch Bằng Tăng để chuyển giao, xử lý.

- Bố trí thêm thùng rác khi thời điểm diễn ra sự kiện (thi đấu, hội nghị,...) để đảm bảo thu gom được hết lượng rác thải phát sinh.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được lưu trữ tại bể chứa bùn; tiến hành lấy mẫu và phân tích để phân định bùn theo QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý định kỳ 01 tháng/lần.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và những quy định khác của pháp luật liên quan.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

* Giai đoạn thi công xây dựng:

Bố trí khu lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 4 m², trang bị 04 thùng chứa loại 60 lít để lưu chứa chất thải nguy hại; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

* Giai đoạn vận hành:

Bố trí khu lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 6 m² cạnh hệ thống xử lý nước thải, trang bị 04 thùng chứa loại 60 lít để lưu chứa chất thải nguy hại; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và những quy định khác của pháp luật liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

* Giai đoạn thi công xây dựng:

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Các phương tiện thi công cơ giới phục vụ cho dự án phải đảm bảo tiêu chuẩn về an toàn kỹ thuật và môi trường; ưu tiên sử dụng máy móc và thiết bị thi công có thiết bị chống ồn; hạn chế các máy móc thi công có độ ồn lớn hoạt động đồng thời tại một vị trí thi công; tránh tiến hành ép cọc BTCT trong xây dựng móng công trình vào các thời gian cao điểm; bố trí thời gian thi công hợp lý.

- Biện pháp giảm thiểu độ rung: Hạn chế hoạt động đồng thời nhiều loại máy móc gây rung chân lớn cùng lúc; khi đóng cọc không thực hiện các hoạt động xây dựng khác tránh gây cộng hưởng rung chân.

* Giai đoạn vận hành:

Quy định các phương tiện khi vào dự án phải giảm tốc độ, không được sử dụng kèn xe khi không cần thiết; trang bị các thiết bị, máy móc hiện đại, tránh gây ồn, chấn động; kiểm tra định kỳ, bôi trơn hoặc thay thế những chi tiết bị hư hỏng của các thiết bị.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn về môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường: Không có.

4.4.2. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: Không có.

4.4.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

* Giai đoạn thi công xây dựng:

- Sự cố ngập úng, sạt lở đất: Tiến hành đào đắp tại chỗ, đào đắp đến đâu hoàn thiện và gia cố đến đó; khu vực đất đắp cần đầm nén theo đúng yêu cầu; nước thải san lấp được bơm theo phân ô san lấp, điều chỉnh hướng san lấp và tập trung nước thải vào rãnh thoát nước, đảm bảo nước thải san lấp được thu gom toàn bộ, không chảy tràn ra bên ngoài; khi có sự cố xảy ra sẽ ngừng hoạt động san lấp và tiến hành khắc phục ngay tránh ảnh hưởng đến khu vực xung quanh dự án.

- Sự cố tai nạn giao thông: Tổ chức vận chuyển vật liệu thi công hợp lý; không vận chuyển vào các giờ cao điểm, mật độ giao thông cao; tổ chức hướng dẫn và bố trí người phân luồng giao thông ra vào công trường thi công; quy định tốc độ phương tiện khi vào dự án.

- Sự cố tai nạn lao động: Các công nhân trực tiếp thi công vận hành máy móc phải được đào tạo cơ bản, nắm vững những thao tác kỹ thuật và đảm bảo an toàn khi thi công; trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân; thường xuyên kiểm tra máy móc, thiết bị để đảm bảo an toàn.

- Sự cố cháy nổ: Nhiên liệu bố trí trong thùng kín, lưu trữ trong kho, lắp đặt biển cảnh báo hạn chế người tiếp cận; thường xuyên kiểm tra các thùng chứa nhiên liệu xăng dầu tránh sự rò rỉ; trang bị máy bơm, bình CO₂ ở khu vực thi công; thường xuyên thu gom vật liệu dễ cháy.

- Sự cố rò rỉ nhiên liệu: Kiểm tra các loại phương tiện, máy móc, thiết bị thi công trước khi đưa vào công trường; trong quá trình thi công, nếu gặp sự cố phải khắc phục ngay để tránh tình trạng nhiên liệu rò rỉ gây ô nhiễm môi trường; chuẩn bị vật liệu hấp thụ (cát khô hoặc tấm hút dầu) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ nhiên liệu.

* Giai đoạn vận hành:

- Sự cố tai nạn giao thông: Lắp đặt các loại biển báo, biển chỉ dẫn, biển cấm, tín hiệu đèn và các nội quy trong việc chấp hành luật lệ giao thông; thường xuyên chăm sóc, tĩa cây xanh để tránh ảnh hưởng đến tình hình giao thông khu vực.

- Sự cố cháy nổ: Tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy; bố trí các họng cứu hỏa trên trục đường để thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy; khi mắc dây điện, chọn và sử dụng máy móc thiết bị điện đúng tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn.

- Sự cố vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung: Khi có sự cố xảy ra tiến hành quay vòng nước thải xử lý lại; khẩn trương rà soát, kiểm tra phát hiện sự cố kịp thời xử lý đảm bảo không để nước thải gây ô nhiễm môi trường; bố trí, lắp đặt 02 bơm và 02 máy thổi khí, trường hợp nếu có hư hỏng thì sử dụng thiết bị dự phòng; nếu pH trong nước thải không ổn định (tăng hoặc giảm) thì tiến hành đo và châm hóa chất cân chỉnh pH; quan sát vi sinh và bổ sung vi sinh khi có dấu hiệu chết vi sinh.

4.4.4. Các công trình, biện pháp khác:

Biện pháp giảm thiểu các tác động chiếm dụng đất, thay đổi cơ cấu sử dụng đất; hệ sinh thái cảnh quan: Thực hiện chính sách bồi thường và hỗ trợ cho các hộ dân bị ảnh hưởng do dự án; thực hiện các biện pháp giảm thiểu, xử lý thích hợp để hạn chế thấp nhất các tác động của chất thải đến cảnh quan và hệ sinh thái khu vực dự án trong quá trình xây dựng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn xây dựng

5.1.1. Giám sát không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực thi công dự án.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, Tổng bụi lơ lửng (TSP), NO₂, SO₂, CO.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.1.2. Giám sát nước thải san lấp

- Vị trí giám sát: 01 vị trí sau ao lắng.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, Chất rắn lơ lửng.

- Quy chuẩn so sánh: Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

5.1.3. Giám sát nước thải xây dựng

- Vị trí giám sát: 01 vị trí sau hố lắng.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, Chất rắn lơ lửng, Tổng dầu mỡ khoáng.
- Quy chuẩn so sánh: Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

5.1.4. Giám sát chất thải rắn

- Vị trí giám sát: Các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại.
- Nội dung giám sát: Giám sát tổng khối lượng đối với mỗi loại chất thải phát sinh tại dự án.
- Tần suất giám sát: Hàng ngày.

5.2. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành

5.2.1. Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát:
 - + 01 vị trí tại hố ga đầu vào của hệ thống xử lý nước thải.
 - + 01 vị trí tại hố ga đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅ (20⁰C), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), Tổng Coliforms.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

5.2.2. Giám sát chất thải rắn:

- Vị trí giám sát: Các thùng chứa rác, điểm tập trung rác thải.
- Nội dung giám sát: Giám sát tổng khối lượng đối với mỗi loại chất thải phát sinh tại dự án.
- Tần suất giám sát: Hàng ngày.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường như sau:

- Khoanh định ranh giới của dự án và chỉ được phép triển khai thực hiện dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, chất lượng nước, hệ sinh thái thủy sinh, hoạt động giao thông đường bộ, giao thông nội đồng, việc sản xuất nông nghiệp và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện dự án, đặc biệt là hoạt động sản xuất lúa ở các khu vực liền kề.

- Lắp đặt hệ thống biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, việc tiêu thoát nước của khu vực trong thời gian thi công.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động, an toàn đề điều, phòng chống lụt bão và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn, úng ngập do việc thực hiện dự án; xây dựng, đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, xử lý nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án; thiết kế cơ sở và các công trình xử lý nước thải trong thiết kế cơ sở phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

- Thực hiện thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của Dự án đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thực hiện đấu nối nước thải. Trường hợp thoát nước thải sau khi xử lý ra nguồn tiếp nhận phải có ý kiến chấp thuận bằng văn bản của cơ quan quản lý có thẩm quyền theo quy định.

- Xây dựng, vận hành thử nghiệm công trình xử lý môi trường, mạng lưới thu gom, thoát nước thải đảm bảo các yêu cầu về môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện, giám sát, quản lý chặt chẽ, đảm bảo toàn bộ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ các hoạt động của dự án đều được thu gom, xử lý, đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, các văn bản pháp luật có liên quan và các quy định trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Chủ dự án chịu trách nhiệm toàn bộ và cam kết đền bù, khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố rủi ro do quá trình thực hiện dự án gây ra.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, tiếng ồn, độ rung, nước thải, chất thải rắn đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn môi trường liên quan và không gây tác động xấu đến các yếu tố nhạy cảm về môi trường đã nêu trong Mục 1.4 của Quyết định phê duyệt này; có giải pháp thu gom, thoát nước ở chân taluy đảm bảo không gây ngập úng, ảnh hưởng đến môi trường xung quanh dự án.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác. Số liệu giám sát phải được lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra khi cần thiết./.